

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2026/HS-ST

Ngày 13-3-2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Nguyễn Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Luân

2. Bà Trần Thị Noi.

- **Thư ký phiên toà:** bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên tham gia phiên toà:** bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2026/HSST ngày 04 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

Lê Văn N, sinh ngày 20 tháng 3 năm 1988; tại **xã M, tỉnh Ninh Bình**; nơi cư trú: **thôn P, xã M, tỉnh Ninh Bình**; Căn cước công dân số: 03608800060, ngày cấp 01-3-2023, nơi cấp Cục cảnh sát **Bộ C1**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Văn D** (đã chết) và bà **Vũ Thị M**; gia đình có 06 anh, chị, bị cáo là con thứ sáu; bị cáo có vợ là **Trần Thị L**; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2026. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị

áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22-11-2025 đến nay, hiện tại ngoại - có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

1. chị **Đinh Thị N1**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Nơi cư trú: **thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.**

2. anh **Nguyễn Bá D1**, sinh năm 1984 (vắng mặt)

3. anh **Nguyễn Tuấn A**, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Đều cư trú: **thôn G, xã Q, tỉnh Hưng Yên.**

4. chị **Phạm Thị V**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú: **thôn H, xã Q, tỉnh Hưng Yên.**

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* bà **Lê Thị C**, sinh năm 1978; Nơi cư trú: **thôn H, xã Q, tỉnh Hưng Yên** (vắng mặt).

** Người làm chứng:*

1. anh **Nguyễn Ngọc Q**, sinh năm 1996; Nơi cư trú: **thôn B, xã M, tỉnh Ninh Bình** (vắng mặt).

2. chị **Trần Thị L**, sinh năm 1992; Nơi cư trú: **thôn P, xã M, tỉnh Ninh Bình** (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Sáng ngày 20-11-2025, **Lê Văn N** được anh **Nguyễn Ngọc Q** thuê lái xe ô tô 16 chỗ, nhãn hiệu Ford Transit, biển số 29B-10438 chở khách từ tỉnh Ninh Bình đi viếng đám ma tại nhà anh **Nguyễn Bá D2** ở **thôn H, xã Q, tỉnh Hưng Yên**. Đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, **N** chở khách đến **thôn H, xã Q** và chờ chờ khách về. Khoảng 09 giờ 15 phút, **N** đi bộ vào nhà bà **Lê Thị C** (là hàng xóm của anh **D2**) để đi nhờ vệ sinh. Lúc này, toàn bộ sân, công, ngõ nhà bà **C** đều được sử dụng làm nơi để xe của người đến viếng đám ma nhà anh **D2**. Sau khi đi vệ sinh xong, **N** đi ra sân phía bên phải lối vào khu nhà vệ sinh, ngồi lên 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Lead màu tím, biển số: 17B5 - 306.19 của chị **Đinh Thị N1** thì thấy yên xe không khớp, cốp xe có thể mở ra được nên **N** nảy sinh ý định mở cốp xe lấy trộm tài sản. **N** dùng tay lật mở cốp xe lên thì thấy có 01 chiếc túi vải, miệng túi mở, bên trong có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note, màu tím, (định giá trị giá

3.000.000 đồng). **N** dùng tay phải cầm chiếc điện thoại và bỏ vào khoác đang mặc, rồi ấn đậy cốp xe lại. Sau đó **N** đi bộ ra cổng, thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đen xám, biển số: 17B5 - 067.78 của anh **Nguyễn Bá D3** dựng ở sát trụ cổng bên phải theo hướng từ ngoài đường đi vào ngõ nhà bà **C**, đầu xe quay vào ngõ, đuôi xe quay ra đường. Nghì ngồi phía bên trái xe thấy cốp xe đóng không chặt nên đã dùng tay phải lật cốp xe lên thì thấy có 01 ví da, màu đen, bên trong có số tiền 3.000.000 đồng (gồm 06 tờ polyme mệnh giá 500.000 đồng). Nghì cầm số tiền trên bỏ vào túi quần bên phải đang mặc, gấp ví để lại chỗ cũ trong cốp rồi dùng tay ấn đậy cốp xe lại. Do trời nóng, **N** cởi áo khoác vắt lên dây phơi trước cổng nhà bà **C** rồi đi bộ vào sân nhà bà **C** đến chỗ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đen, biển số: 29D2 - 245.26 của anh **Nguyễn Tuấn A**, **N** dùng tay lật mở cốp xe, thấy có 01 chiếc ví da, màu đen; kéo khóa mở ví ra thấy bên trong ví có nhiều ngăn, trong đó có 01 ngăn chứa số tiền 3.200.000 đồng (gồm 06 tờ polyme mệnh giá 500.000 đồng và 01 tờ polyme mệnh giá 200.000 đồng); **N** dùng tay phải cầm số tiền trên bỏ vào túi quần bên phải đang mặc rồi đặt trả ví vào trong cốp xe, ấn đậy cốp xe lại. Nghì tiếp tục đi đến ngồi lên yên xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu đen, biển số: 17B1-516.00 của chị **Phạm Thị V** đưa tay phải lùa vào mép dưới yên xe. Do cốp xe khóa nên **N** đi ra trước sân nhà bà **C** lấy 01 chiếc móc áo bằng nhôm, màu trắng, dùng tay bẻ thành 02 đoạn, 01 đoạn vút ở sân nhà bà **C**, **N** cầm 01 đoạn (phần có đầu cong) lùa vào phần đuôi của cốp xe mô tô. Do lúc này có người đi vào sân nên **N** giả vờ dắt chiếc xe mô tô trên tiến lên để lấy chỗ đi lại. Đợi một lúc, thấy không còn ai trong sân, **N** tiếp tục cầm đoạn móc áo cậy bên cốp xe mô tô, tay trái nhấc cốp xe lên, dùng 02 ngón tay phải lùa vào khe trống kéo ra 01 chiếc ví nữ, có khóa kéo. Nghì mở khóa kéo ví, lấy ra 290.000 đồng (gồm 01 tờ polyme mệnh giá 200.000 đồng và 04 tờ polyme mệnh giá 20.000 đồng; 01 tờ polyme mệnh giá 10.000 đồng bỏ vào túi quần bên phải đang mặc và để lại ví vào trong cốp xe. Khoảng 10 giờ, **N** đi ra lấy áo khoác, vút đoạn móc áo xuống khu vực gần cổng rồi ra chỗ đỗ xe ô tô, điều khiển xe chở khách về tỉnh Ninh Bình, trả xe cho anh **Q** và đi về nhà, lấy ra 2.000.000 đồng (04 tờ polyme mệnh giá 500.000 đồng) trong số tiền trộm cắp được đưa cho chị **L** (vợ **N**) nói là tiền lái xe thuê mà có. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, khi bị **Công an xã Q**, tỉnh Hưng Yên triệu tập lên làm việc, **N** đã tự nguyện giao nộp lại chiếc điện thoại cùng số tiền đã trộm cắp và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 12-12-2025 của Hội đồng định giá tài sản **Ủy ban nhân dân xã Q**, tỉnh Hưng Yên, kết luận: 01 điện thoại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 146GB 128GB màu tím, số serial: 868970078187809, đã qua sử dụng, thời điểm định giá ngày 20-11-2025, trị giá 3.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 76/CT-KSKV8, ngày 03-02-2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên truy tố bị cáo **Lê Văn N** về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Bị cáo **Lê Văn N** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án và nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên giữ quyền công tố tại phiên tòa khẳng định quan điểm truy tố đối với bị cáo **Lê Văn N** như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX): tuyên bố bị cáo **Lê Văn N** phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Văn N** từ 09 tháng tù đến 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 13-3-2026. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) **xã M, tỉnh Ninh Bình** giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: tịch thu tiêu hủy 02 đoạn kim loại cùng đường kính 0,4mm, một đoạn dài 0,75m, một đoạn dài 0,3m, dạng đoạn kim loại bị (bẻ gãy từ chiếc mắc phơi quần áo); lưu hồ sơ vụ án 01 USB lưu giữ video. Về án phí: bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo nói lời nói sau cùng đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương vì hiện nay bị cáo đang nuôi 03 con nhỏ, trong đó có 01 con chậm phát triển.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh H**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy tại giai đoạn điều tra những người này đã có lời khai đầy đủ nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, vì vậy HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về chứng cứ xác định có tội: Lời khai của bị cáo **Lê Văn N** tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Đơn tố giác của chị **Đinh Thị N1**; anh **Nguyễn Tuấn A**; anh **Nguyễn Bá D1** và chị **Phạm Thị V**; biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản quản lý, niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh H** lập ngày 20-11-2025; biên bản mở video; các biên bản quản lý, niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh H** lập ngày 21-11-2025; Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 12-12-2025 của Hội đồng định giá tài sản **UBND xã Q**, tỉnh Hưng Yên; biên bản ghi lời khai của những người bị hại chị **Đinh Thị N1**; anh **Nguyễn Bá D1**; chị **Phạm Thị V**; anh **Nguyễn Tuấn A**; biên bản ghi lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Lê Thị C**; biên bản ghi lời khai của người làm chứng chị **Trần Thị L**, anh **Nguyễn Ngọc Q** cùng toàn bộ các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định: trong khoảng thời gian từ 09 giờ 15 phút đến 10 giờ ngày 20-11-2025, tại khu vực sân, cổng nhà bà **Lê Thị C** ở **thôn H, xã Q, tỉnh Hưng Yên**; bị cáo **Lê Văn N** đã có hành vi lén lút cạy, mở cốp xe mô tô trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note, màu tím trị giá 3.000.000 đồng của chị **Đinh Thị N1**; số tiền 3.000.000 đồng của anh **Nguyễn Bá D1**; số tiền 3.200.000 đồng của anh **Nguyễn Tuấn A** và số tiền 290.000 đồng của chị **Phạm Thị V**. Tổng giá trị tài sản bị cáo **Lê Văn N** trộm cắp là 9.490.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo **Lê Văn N** đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định như sau:

Điều 173: Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên truy tố bị cáo **Lê Văn N** về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi trộm cắp tài sản mà bị cáo **Lê Văn N** thực hiện đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài

sản của người khác, xâm phạm trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân và gây ảnh hưởng đến trật tự trị an khu vực xảy ra tội phạm.

[5] Về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: bị cáo có nhân thân tốt. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; những người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo; bị cáo đang nuôi 03 con nhỏ nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Từ những nhận xét trên, HĐXX thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được cải tạo tại địa phương và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng có tác dụng giáo dục và cũng thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Đối với số tiền 2.000.000 đồng, bị cáo **N** đưa cho chị **L** sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của các bị hại. Quá trình điều tra xác định khi đưa tiền cho chị **L**, bị cáo **N** nói là tiền lái xe thuê mà có, chị **L** không biết đây là số tiền do bị cáo trộm cắp tài sản mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh H** không xử lý đối với chị **L** là có căn cứ.

[7] Về hình phạt bổ sung: bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm bồi thường: quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, giao nộp lại chiếc điện thoại di động Xiaomi Redmi, màu tím và toàn bộ số tiền đã trộm cắp được cho Cơ quan điều tra để phục vụ điều tra và trả lại cho bị hại; những người bị hại đã nhận lại tài sản của mình và không ai yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào. Đối với 01 chiếc móc áo của bà **Lê Thị C** bị cáo sử dụng bẻ gãy để làm công cụ trộm cắp tài sản, bà **C** không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[9] Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra xác định, 01 điện thoại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 146GB 128GB màu tím đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của chị **Đinh Thị N1**; số tiền 3.200.000 đồng là tài sản hợp pháp của anh **Nguyễn Tuấn A**; số tiền 3.000.000 đồng là tài sản hợp pháp của anh **Nguyễn Bá D1**; số tiền 290.000 đồng là tài sản hợp pháp của chị **Phạm Thị V**; Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh H** đã trả lại cho chị **N1**, anh **Tuấn A**, anh **D1** và chị **V** là có căn cứ.

Đối với 02 đoạn kim loại cùng đường kính 0,4mm, một đoạn dài 0,75m, một đoạn dài 0,3m, dạng đoạn kim loại bị bẻ gãy từ chiếc móc phơi quần áo thu giữ tại nhà bà **C**, bà **C**

không có nhu cầu xin lại, hơn nữa 02 đoạn kim loại này không có giá trị nên cần tịch thu để tiêu hủy.

Đối với 01 USB lưu giữ video thu từ camera an ninh của gia đình bà **C** ghi lại hình ảnh diễn biến vụ trộm cắp được niêm phong và chuyển theo hồ sơ vụ án nên cần lưu tại hồ sơ vụ án.

[10] Về án phí: bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Văn N** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Văn N** 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13-3-2026). Giao bị cáo **Lê Văn N** cho UBND xã **M**, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 02 đoạn kim loại cùng đường kính 0,4mm, một đoạn dài 0,75m, một đoạn dài 0,3m, dạng đoạn kim loại bị bẻ gãy từ chiếc mắc phoi quần áo (theo biên bản quản lý vật chứng ngày 04-02-2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh H** và Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Hưng Yên). Lưu hồ sơ vụ án 01 USB (lưu giữ video thu từ camera an ninh của gia đình bà **Lê Thị C**) được chuyển theo hồ sơ vụ án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo **Lê Văn N** phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo **Lê Văn N** có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và NVLQ;
- Tòa án ND tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát NDKV 8 - Hưng Yên;
- CQCSĐT, CQTHAHS Công an tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS KV 8 - Hưng Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

Nguyễn Bích Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Bích Thủy

